



xíng jìn

行进

verb · march; proceed

Example Sentences

jūn duì zài shā mò zhōng jiān nán xíng jìn
军队在沙漠中艰难行进。

The army marched with difficulty through the desert.

duì wǔ yán zhe shān lù xiàng qián xíng jìn
队伍沿着山路向前行进。

The team proceeded forward along the mountain path.

Trace each character, then write the word on your own.

行	行	行	行	行	行	行	行	行		
进	进	进	进	进	进	进	进	进	进	